

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-PT

Ngày 09 - 3 - 2021

V/v “*Yêu cầu Công nhận tài sản chung và
chia tài sản chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Dũng

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung

Bà Mai Vương Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Nguyễn Thị Trâm - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc “*Yêu cầu công nhận tài sản chung và chia tài sản chung*”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2020/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐ - PT ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị T (T) - sinh năm 1968 - Địa chỉ: Khối C, phường N, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (có mặt)

- Bị đơn: Ông Hà Tr - Sinh năm 1963 và bà Đặng Thị L - Sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ 84 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (có mặt)

- Người làm chứng:

1. Bà Võ Thị Ta - Sinh năm 1949 - Địa chỉ: Tổ 84, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

2. Bà Võ Thị Đ - Sinh năm 1962 - Địa chỉ: Tổ 84 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt)

3. Bà Đặng Thị Đu - Sinh năm 1962 - Địa chỉ: Tổ 48 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

4. Bà Đặng Thị H - Sinh năm: 1970 - Địa chỉ: tổ 17 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

- Người kháng cáo: Ông Hà Tr và bà Đặng Thị L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2019 ngày 09/12/2019, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thị T trình bày:*

Vào ngày 30/08/2003, tôi có đưa cho vợ chồng chị gái tôi là bà Đặng Thị L và ông Hà Tr số tiền 15.000.000 đồng để xây dựng nhà và bà Đặng Thị L viết cho tôi giấy chứng từ xác định tôi là người chung tiền để mua đất và xây dựng nhà, sau này sẽ chia làm hai. Nguồn gốc đất là ông Tr, bà L mua của vợ chồng ông Võ Văn Ng và bà Mai Thị Tả. Khi thỏa thuận đưa tiền để ông Tr, bà L xây nhà thì bà Đặng Thị L viết giấy chứng từ cho tôi xác định lô đất diện tích 52m² (rộng 4m x 13 m), đất và nhà T chung mua của bà L tại địa chỉ số 84, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Sau đó, tôi giao cho ông Tr, bà L quản lý, sử dụng toàn bộ nhà đất nêu trên. Đến giữa năm 2018, tôi phát hiện vợ chồng ông Tr, bà L đã giấu diếm đi làm hồ sơ để đăng ký quyền sử dụng đất. Khi phát hiện việc làm trên của ông Tr và bà L, tôi đã khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền để can thiệp nhưng không thành. Nay để đảm bảo quyền lợi của tôi, tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Công nhận quyền sử dụng đất và ngôi nhà cấp bốn tại địa chỉ: Tổ 84, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 9 là sở hữu chung giữa tôi với ông Hà Tr và bà Đặng Thị L.

- Yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung giữa tôi với ông Hà Tr, bà Đặng Thị L đối với quyền sử dụng đất và ngôi nhà cấp bốn tại địa chỉ Tổ 84, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 9 theo thỏa thuận của giấy chứng từ là chia làm hai, bản thân tôi được hưởng một nửa giá trị

tài sản. Nhà đất đã được công ty cổ phần thẩm định giá BTC chi nhánh Đà Nẵng xác định giá thị trường là 1.772.560.410 đồng (trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất là 1.569.777.430 đồng, trị giá tài sản gắn liền trên đất là 202.782.980 đồng). Tôi yêu cầu ông Tr, bà L thôi trả cho tôi số tiền 886.280.205 đồng và giao nhà đất cho ông Hà Tr và bà Đặng Thị L quản lý, sử dụng.

** Bị đơn bà Đặng Thị L trình bày:* Vào năm 2002 vợ chồng tôi có mua một lô đất của ông Võ Văn Ng và bà Mai Thị Ta tại tổ 84 phường A, quận S, TP Đà Nẵng. Đây là tài sản chung của vợ chồng tôi chứ không chung gì với bà Đặng Thị T. Tôi xác định vào năm 2013 tôi có mượn của bà T số tiền 15.000.000 đồng, bà T là người đưa tiền cho tôi trực tiếp mượn. Mục đích mượn tiền là để sửa chữa nhà ở phường A mà vợ chồng tôi đang ở. Khi nhận tiền của bà T tôi có viết cho bà T giấy chứng từ ngày 30/8/2003. Đến năm 2014 tôi và bà T thỏa thuận là tôi sẽ trả cho bà T 80.000.000 đồng. Ngày 28/8/2016 tôi trả cho bà T 10.000.000 đồng (bà T có viết nhận tiền). Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án vợ chồng tôi chấp nhận tiếp tục trả cho bà T số tiền còn lại là 70.000.000 đồng nhưng bà T không đồng ý. Tại phiên tòa hôm nay tôi không đồng ý trả tiền cho bà T nữa. Tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T. Tôi xác định toàn bộ nhà đất tại tổ 84 phường A là tài sản chung của tôi và ông Hà Tr.

** Bị đơn ông Hà Tr trình bày:* Tôi thống nhất với nội dung bà Đặng Thị L đã trình bày. Tôi không viết giấy chứng từ cho bà T. Chữ viết và chữ ký trong giấy chứng từ mà bà T nộp kèm theo đơn khởi kiện cho Tòa án là của bà L tự ý viết, tự ký tên tôi chứ tôi không biết gì về thỏa thuận trong giấy chứng từ. Về số tiền 15.000.000đ bà L mượn của bà T để sửa chữa nhà ở phường An Hải Tây tôi có nghe bà L nói lại. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án tôi cũng đồng ý trả lại tiền cho bà T 70.000.000đ nhưng bà T không đồng ý nên tại phiên tòa hôm nay, tôi thống nhất với ý kiến của bà L, không đồng ý trả tiền cho bà T nữa.

** Bà Võ Thị Ta vắng mặt có ý kiến trình bày:* Bà Tà là con của ông Võ Văn Ng và bà Mai Thị Tả. Bà Tà xác nhận có biết việc ông Ng, bà Tả bán đất cho ông Tr, bà L. Bà Tà không biết có ai chung mua đất với ông Tr, bà L không. Nay tòa án giải quyết vụ án bà Tà không có ý kiến yêu cầu gì, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết và do tuổi già đi lại khó khăn nên bà Tà đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà Tà.

** Bà Võ Thị Đi vắng mặt có ý kiến trình bày:* Bà Võ Thị Đ có biết việc cha mẹ bà Đ bán đất cho ông Hà Tr và bà Đặng Thị L, còn việc có ai chung mua đất với ông Tr, bà L không thì bà Đ không biết. Bà không có ý kiến, yêu cầu gì về

việc Tòa án giải quyết vụ án. Do bận đi làm nên bà Đ không tham gia tố tụng theo triệu tập của Tòa án được và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà Đ.

* *Bà Đặng Thị Du trình bày:* Bà Đặng Thị T và bà Đặng Thị L đều là em ruột của tôi. Tôi có biết bà Tr đưa cho bà L 15.000.000 đồng để xây nhà Trại tổ 84, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng và thỏa thuận có gì sẽ chia làm hai, việc tôi biết nội dung này là do bà T có gửi tôi cất giấy chứng từ do bà L viết, tôi đọc và biết được. Tôi chỉ giữ giấy tờ giùm bà Tr vì bà Tròn không muốn chồng con biết về khối tài sản chung với bà L và tôi không có tẩy sửa gì vào giấy chứng từ đó, tôi cũng không biết ai sửa vào năm của giấy chứng từ.

* *Bà Đặng Thị H trình bày:* Tôi là em ruột của bà L và bà Tr. Năm 2002 ông Hà Tr, bà Đặng Thị L có mua một mảnh đất ở tổ 84 phường A, quận S, TP Đà Nẵng nhưng không có tiền làm nhà, còn bà Đặng Thị T đang gửi tôi cất giúp một sổ tiết kiệm. Lúc đó tôi thấy bà L, ông Tr có mảnh đất mà không có tiền làm nhà nên tôi mới nói với bà Tr chung tiền với bà L, ông Tr để làm nhà sau này có giải tòa thì chia hai. Bà Tr và ông Tr, bà L thấy có lý nên đồng ý. Sau đó tôi đưa sổ tiết kiệm cho bà Tr rút tiền và tôi biết bà Tr đưa cho ông Tr, bà L số tiền 15.000.000đ để xây dựng nhà ở phường An Hải Bắc, khi bà T đưa tiền xây nhà bà L đã viết giấy chứng từ cho bà Tròn giữ, tôi biết bà L có cam kết sau này có gì chia làm hai với bà T.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2020/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điều 29, điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất và chia tài sản chung của nguyên đơn bà Đặng Thị T đối với bị đơn ông Hà Tr, bà Đặng Thị L.

Xử: Buộc ông Hà Tr, bà Đặng Thị L phải có trách nhiệm thối trả cho bà Đặng Thị T số tiền 202.782.980 đồng (*Hai trăm lẻ hai triệu bảy trăm tám mươi*

hai ngàn chín trăm tám mươi đồng).

Giao cho ông Hà Tr, bà Đặng Thị L được sở hữu căn nhà cấp 4, cấu trúc sàn lững gỗ, tường xây, mái lợp tôn, nền gạch men diện tích xây dựng 63,85m², diện tích sử dụng: 98,85m² có tứ cận: Đông giáp đất giải tỏa do nhà nước quản lý, Tây giáp đất nhà ông T, Nam giáp đất trống, Bắc giáp đất trống thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 09 tại tổ 84 phường A, quận S, TP Đà Nẵng (*theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/3/2020*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí DSST: bà T phải chịu là 31.339.889 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 18.000.000đ bà T đã nộp theo biên lai thu số 0008303 ngày 19/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng. Bà Đặng Thị T còn phải tiếp tục nộp án phí DSST số tiền 13.339.889đ.

Ông Hà Tr, bà Đặng Thị L phải chịu 10.139.149đ.

Chi phí định giá tài sản theo giá thị trường và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bà Đặng Thị T đã tự nguyện nộp và chi xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của đương sự và quyền yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định ông Hà Tr và bà Đặng Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; ông Hà Tr và bà Đặng Thị L đề nghị Tòa án cấp phúc xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T (Tr).

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/01/2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị số 107/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị phúc thẩm bản án dân sự sơ thẩm số 33/2020/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo hướng sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vào ngày 30/08/2003, bà Đặng Thị T có đưa cho vợ chồng chị gái là bà Đặng Thị L và ông Hà Tr số tiền 15.000.000 đồng để xây dựng nhà và bà

Đặng Thị L viết cho cho bà Tròn giấy chứng từ với nội dung :”... tôi tên là Hà Tr. Sinh năm 1963. Hiện nay trú tại: tổ 34 T , A. Tôi có 1 miếng đất chiều ngang 4m, chiều dài 13m. Tổng cộng là 52m. Hiện nay, tôi đang xây dựng lên 1 ngôi nNhà Trrong khu đất đó và tôi có chung với em vợ tôi tên là: Đặng Thị T trong khu đất và ngôi nhà đang xây dựng xong. Nay tôi làm giấy này giữa tôi và em vợ tôi tên là Đặng Thị Tr. Nếu sau này có điều gì thì tôi và em vợ tôi tên là Đặng Thị Tr sẽ chia làm hai. Vậy tôi viết giấy này để thỏa thuận giữa hai bên...”. Theo bà T nhà và đất tại địa chỉ tổ 84 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng là tài sản chung của vợ chồng ông Tr, bà L và bà T nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án: Công nhận quyền sử dụng đất và ngôi nhà cấp bốn tại địa chỉ tổ 84 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng là sở hữu chung của ông Hà Tr, bà Đặng Thị L và bà Đặng Thị T và Yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung. Còn ông Tr và bà L cho rằng số tiền 15.000.000đ là tiền vay của bà T nên không chấp nhận yêu cầu của bà T.

[2] Tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2020/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Toà án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã quyết định chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đặng Thị T. Do không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, ông Hà Tr và bà Đặng Thị L đã kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo hướng sửa bản án sơ thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Đặng Thị T, ông Hà Tr và bà Đặng Thị L tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

[3.1] Nhà và đất tại tổ 84 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng là tài sản chung của bà Đặng Thị T, ông Hà Tr và bà Đặng Thị L.

Giao cho ông Hà Tr và bà Đặng Thị L sở hữu và sử dụng căn nhà cấp 4 có cấu trúc sàn lửng gỗ, tường xây, mái lợp tôn, nền gạch men tọa lạc trên thửa đất số 23, tờ bản đồ số 09 tại tổ 84 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Ông Hà Tr và bà Đặng Thị L được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[3.2] Ông Hà Tr và bà Đặng Thị L có trách nhiệm trích trả cho bà Đặng Thị L số tiền 195.000.000đ với phương thức thanh toán như sau:

- Ngày 09/3/2021 trả số tiền 30.000.000đ (Đã trả xong);
- Ngày 30/8/2021 trả số tiền 65.000.000đ;

- Ngày 30/12/2021 trả số tiền 100.000.000đ.

Xét thấy: Sự thỏa thuận của bà Đặng Thị T, ông Hà Tr và bà Đặng Thị L là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, nên HĐXX căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự để sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Do các đương sự tự nguyện thỏa thuận giải quyết vụ án nên HĐXX không xem xét đến kháng cáo của ông Hà Tr và bà Đặng Thị L.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng rút phần rút phần kháng nghị về nội dung và giữ nguyên kháng nghị đề nghị HĐXX xác định lại quan hệ pháp luật và án phí DSST; xác định lại tư cách tố tụng của bà Võ Thị Ta và bà Võ Thị Đ. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát thì thấy:

[4.1] Về quan hệ pháp luật: Tại đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Đặng Thị T cho rằng bà có chung tiền với bị đơn là vợ chồng ông Hà Tr và bà Đặng Thị L để xây dựng nhà trên đất tại tổ 84 phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng nên đề nghị Tòa án công nhận nhà và đất tại tổ 84 phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng là tài sản chung của ông Hà Tr, bà Đặng Thị L, bà Đặng Thị T. Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu chia tài sản chung” là chưa chính xác mà cần xác định lại là “Công nhận tài sản chung và yêu cầu chia tài sản chung” mới phù hợp nên HĐXX phúc thẩm thay đổi quan hệ tranh chấp như nêu trên.

[4.2] Về xác định án phí: Bản án sơ thẩm xác định giá trị quyền sử dụng đất không phải là tài sản chung và buộc bị đơn phải chịu án phí phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận với số tiền 31.339.889đ là không đúng với quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, cụ thể trong trường hợp này thì Nguyên đơn chỉ phải chịu án phí không có giá ngạch.

[4.3] Tòa án sơ thẩm xác định bà Võ Thị Ta và bà Võ Thị Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa chính xác vì bà Tr và bà Đ chỉ là người biết việc chứ không có quyền lợi cũng như nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Từ những nhận định trên HĐXX cần chấp nhận một phần kháng nghị về nội dung vụ án cũng như chấp nhận kháng nghị về phần thủ tục là phù hợp.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm là $165.000.000đ \times 5\% = 8.250.000$ đồng ông Hà Tr và bà Đặng Thị L phải chịu.

Bà Đặng Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Đặng Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000đ theo biên là thu số 0008303 ngày 19/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

[5.2]. Án phí dân sự phúc thẩm ông Hà Tr và bà Đặng Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Chi phí định giá tài sản theo giá thị trường và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bà Đặng Thị T đã tự nguyện chịu (Đã nộp và chi xong).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 7 Điều 27 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng nghị số: 107/QĐKNPT-VKS-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân thành phố Đà Nẵng.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 33/2020/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Toà án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Đặng Thị T (Tr), ông Hà Tr và bà Đặng Thị L như sau:

1. Công nhận nhà cấp 4 có cấu trúc sàn lửng gỗ, tường xây, mái lợp tôn, nền gạch men trên diện tích thửa đất số 23, tờ bản đồ số 09 tại tổ 84 phường A quận S, thành phố Đà Nẵng và đất tại tổ 84 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng là tài sản chung của bà Đặng Thị T, ông Hà Tr và bà Đặng Thị L. Nhà và đất có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đất giải tỏa do nhà nước quản lý;
- Phía Tây giáp đất nhà ông T;

- Phía Nam và phía Bắc giáp đất trống;

2. Giao cho ông Hà Tr và bà Đặng Thị L sở hữu nhà và sử dụng thửa đất tại tổ 84 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (Nhà và đất nói trên).

Ông Hà Tr và bà Đặng Thị L được quyền liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất cho mình.

3. Ông Hà Tr và bà Đặng Thị L có trách nhiệm trích trả cho bà Đặng Thị T (Trần) số tiền 195.000.000đ (*Một trăm chín mươi lăm triệu đồng*) với phương thức thanh toán như sau:

- Ngày 09/3/2021 trả số tiền 30.000.000đ (Đã trả tại phiên tòa);

- Ngày 30/8/2021 trả số tiền 65.000.000đ;

- Ngày 30/12/2021 trả số tiền 100.000.000đ;

Kể từ ngày bà Đặng Thị T (Tr) có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Hà Tr và bà Đặng Thị L không chịu trả số tiền nói trên thì hàng tháng ông Hà Tr và bà Đặng Thị L còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền còn phải thi hành án.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm là 8.250.000 đồng ông Hà Tr và bà Đặng Thị L phải chịu.

Bà Đặng Thị T (Tr) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Đặng Thị T (Tr) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000đ theo biên là thu số 0008303 ngày 19/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm ông Hà Tr và bà Đặng Thị L phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên là thu số 0006488 ngày 25/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

5. Chi phí định giá tài sản và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bà Đặng Thị T đã tự nguyện chịu (Đã nộp và chi xong).

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi

hánh án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ
- Văn phòng (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Việt Dũng